

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
<b>TỔNG SỐ</b>								<b>15.846.386</b>	<b>3.767.500</b>	<b>9.180.000</b>	<b>450.000</b>	<b>2.060.048</b>	<b>331.438</b>	<b>57.400</b>	
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>							<b>13.271.386</b>	<b>2.637.500</b>	<b>7.735.000</b>	<b>450.000</b>	<b>2.060.048</b>	<b>331.438</b>	<b>57.400</b>	
A.1	Trả nợ vốn vay							90.000	90.000						
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư							50.000	50.000						
A.3	Vốn thực hiện đầu tư							13.131.386	2.497.500	7.735.000	450.000	2.060.048	331.438	57.400	
<b>I</b>	<b>Danh mục dự án sử dụng nguồn vốn ODA</b>							<b>570.347</b>	<b>181.509</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>331.438</b>	<b>57.400</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							<b>570.347</b>	<b>181.509</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>331.438</b>	<b>57.400</b>	
1	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2021-2025	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; 498/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	66.009	61.625	2.000	2.000						
2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bắc Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Ninh Hải	2021-2026	945/QĐ-UBND 24/5/2021	143.156	110.898	17.335	2.000			15.335			
3	Chống hạn, xói lở và ngập lụt thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Phước Hậu	2024-2027	137/QĐ-UBND 07/02/2025	945.279	105.577	432.620	160.233			218.057	54.330		
4	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	12 xã gồm: Xã Bắc Ái Đông; Xã Bắc Ái; Xã Bắc Ái Tây; Xã Mỹ Sơn; Xã Anh Dũng; Xã Lâm Sơn; Xã Ninh Sơn; Xã Công Hải; Xã Thuận Bắc; Xã Vĩnh Hải; Xã Xuân Hải; Xã Ninh Hải.	2024-2027	1705/QĐ-UBND 24/12/2024 368/QĐ-UBND 20/3/2025 478/QĐ-UBND 15/4/2025	475.519	7.430	104.813	13.650			88.093	3.070		
5	Cấp nước phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững cải thiện sinh kế người dân tại huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Bắc Ái, Xã Bắc Ái Đông.	2025-2026	869/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	14.601	1.022	13.579	3.626			9.953			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
II	Nhiệm vụ quy hoạch							40.000	40.000						
III	Bồi thường, hỗ trợ, xây dựng hạ tầng khu tái định cư, khu dân cư							996.995	0	996.995	0	0	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							996.995	0	996.995	0	0	0	0	
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Tây Nha Trang	2016-2026	2273/QĐ-UBND 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 1653/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	161.748	105.349	56.399		56.399					
2	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Vạn Thắng, xã Tu bồng	2024-2025	3208/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.385.263	441.700	500.000		500.000					
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	phường Tây Nha Trang và phường Nam Nha Trang	2021-2025	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	90.000	107.565		107.565					
4	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Nam Nha Trang	2017-2025	3241/QĐ-UBND 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3048/QĐ-UBND ngày 11/12/2023; 3326/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	90.343	69.394	20.949		20.949					
5	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Mỹ Phước (khu 5,86ha)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Đồng Hải	2025-2027	853/QĐ-UBND 23/6/2025	151.800	20.000	131.400		131.400					
6	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh, xã Vạn Thắng	2023-2025	3207/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	258.531	199.384	59.147		59.147					
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Cam Thịnh Đông	UBND xã Nam Cam Ranh	Xã Cam Ranh	2024-2025	1748/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	20.656	5.000	15.656		15.656					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
8	Khu tái định cư đường Minh Mạng	UBND Phường Ninh Hòa	phường Ninh Hòa	2021-2025	Số 15742/QĐ-CTUBND ngày 10/12/2021	21.916	9.829	12.087		12.087					
9	Khu tái định cư đường Trần Quý Cáp	UBND Phường Ninh Hòa	phường Ninh Hòa	2021-2025	Số 15743/QĐ-CTUBND ngày 10/12/2021	34.222	11.709	22.513		22.513					
10	Khu dân cư và TĐC Diên An	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2017-2025	541/QĐ-UBND ngày 30/10/2027	121.750	81.922	40.040		40.040					
11	Khu tái định cư xã Diên Phú	UBND xã Diên Điện	xã Diên Điện	2021-2025	Quyết định số: 255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 314/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; 343/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	20.910	15.183	5.000		5.000					
12	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng khu dân cư A-T, phường Vĩnh Hải	UBND phường Bắc Nha Trang	phường Bắc Nha Trang	2025-2026	535/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	14.044	8.684	5.360		5.360					
13	Khu dân cư bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6-D7) phường Mỹ Bình	UBND phường Đông Hải	Phường Đông Hải	2023-2025	số 2966/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	37.434	35.036	2.000		2.000					
14	Chỉnh trang hạ tầng Khu dân cư sân bóng đá Mỹ Nghĩa, phường Mỹ Đông	UBND phường Đông Hải	Phường Đông Hải	2024-2025	số 4462/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	25.615	19.584	6.031		6.031					
15	Hạ tầng khu dân cư Xóm Lữ Bảo An (giai đoạn 2)	UBND phường Bảo An	Phường Bảo An	2024-2025	2464/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	2.683	2.335	348		348					
16	Di dân, tái định cư vùng sát lở núi Đá Lăn xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	UBND xã Thuận Bắc	xã Thuận Bắc	2022-2025	765, 23/6/2022	93.454	61.300	12.500		12.500					
<b>IV</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>							<b>664.907</b>	<b>0</b>	<b>214.907</b>	<b>450.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026</b>							<b>145.907</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>145.907</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Xây dựng mới Trường Trung cấp nghề Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Diên Lạc	2022-2025	3418/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	79.952	62.085	7.000		7.000					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSĐP
2	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Nam Nha Trang	2006-2025	131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2914/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	562.820	249.608	45.000			45.000				
3	Trường THPT DTNT Pi Năng Tắc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Bắc Ái Đông	2025-2027	843/QĐ-UBND 20/6/2025	83.613	52.000	31.413			31.413				
4	Trường PT DTNT THCS Ninh Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn	2025-2027	794/QĐ-UBND 14/6/2025	46.000	29.475	16.525			16.525				
5	Trường THCS Lê Thanh Liêm - Hạng mục: Sửa chữa khối hành chính, khối phòng học; nâng cấp sân trường	UBND phường Nam Nha Trang	Phường Nam Nha Trang	2024-2026	QĐ 3917 02/7/2024	4.491	1.881	2.300			2.300				
6	Trường Tiểu học Suối Hiệp	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2025	Quyết định số 109/QĐ-UBND	38.259	19.774	18.485			18.485				
7	Trường Tiểu học Diên Lạc	UBND xã Diên Lạc	xã Diên Lạc	2024-2025	296/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	34.855	25.491	9.364			9.364				
8	Trường Mầm non Vành Khuyên, xã Suối Cát	UBND Xã Suối Dầu	xã Suối Dầu	2024-2025	914/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	10.776	6.000	4.776			4.776				
9	Trường THCS Hùng Vương (hạng mục: 02 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn).	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	2085, 04/12/2024	2.800	1.800	1.000			1.000				
10	Trường tiểu học Suối Giếng Hạng mục: 03 phòng bộ môn, cơ sở Xóm Đèn 01 phòng học	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	2033, 20/12/2023	3.100	2.000	1.100			1.100				
11	Trường THCS Phước Chiến (02 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn).	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	1954, 12/11/2024	2.800	1.800	1.000			1.000				

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
12	Trường TH Công Hải, cơ sở Hiệp Kiệt (hạng mục 02 phòng học).	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	1949, 08/11/2024	1.220	800	420			420				
13	Trường TH-THCS Hà Huy Tập (hạng mục 04 phòng học, 02 phòng bộ môn)	UBND xã Ninh Hải	xã Ninh Hải	2025-2026	2076, 03/12/2025	3.900	2.500	1.400			1.400				
14	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn	2025-2026	3590-26/12/2024	7.000	5.607	1.393			1.393				
15	Trường tiểu học Quảng Sơn C 08 phòng	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn	2025-2026	3517-23/12/2024; 1695/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	6.400	4.965	1.435			1.435				
16	Trường mầm non Hoa Hồng (Nhà đa năng phòng học và khối hiệu bộ)	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn	2025-2026	3635-28/12/2024	8.490	7.014	1.476			1.476				
17	Trường tiểu học Tân Sơn A (6 phòng)	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn		1483;28/5/2025	4.200	2.380	1.820			1.820				
<b>b</b>	<b>Chưa phân bổ</b>							<b>519.000</b>			<b>214.907</b>	<b>304.093</b>			
<b>V</b>	<b>Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số</b>							<b>400.000</b>	<b>0</b>	<b>400.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>Chưa phân bổ</b>							<b>400.000</b>		<b>400.000</b>					
<b>VI</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>							<b>919.000</b>	<b>229.000</b>	<b>690.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026</b>							<b>919.000</b>	<b>229.000</b>	<b>690.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ			2025-2030		4.450.000		690.000	0	690.000	0	0	0	0	
-	Dự án thành phần 1: Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang			200.000	430	140.000		140.000					
-	Dự án thành phần 2: Dự án Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Nam Nha Trang			4.250.000	4.642	550.000		550.000					
2	Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Sở Y tế	phường Bắc Nha Trang	2024-2027	1940/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	400.000	5.000	210.000	210.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát
3	Đầu tư hạ tầng để triển khai thí điểm trang bị hệ thống thông tin quản lý bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử (EMR) cho Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế		2025	1383/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	13.350	3.500	9.500	9.500						
4	Đầu tư hạ tầng để triển khai thí điểm trang bị hệ thống thông tin quản lý bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử (EMR) cho Bệnh viện đa khoa Yersin Nha Trang	Sở Y tế		2025	1368/QĐ-UBND ngày 30/9/2025	13.300	3.500	9.500	9.500						
<b>VII</b>	<b>Giao thông</b>							<b>5.119.327</b>	<b>700.165</b>	<b>2.462.117</b>	<b>0</b>	<b>1.957.045</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</b>							<b>5.119.327</b>	<b>700.165</b>	<b>2.462.117</b>	<b>0</b>	<b>1.957.045</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh		Phường Bắc Nha Trang; xã Diên Lạc, Diên Điện, Diên Thọ.	2023-2027		1.809.756		608.543	0	258.543	0	350.000	0	0	
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Bắc Nha Trang; xã Diên Lạc, Diên Điện, Diên Thọ, Suối Hiệp	2023-2027	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024; 3049/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	1.316.374	357.697	350.000				350.000			
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang (cũ) phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	phường Bắc Nha Trang	2023-2027		58.543	0	58.543				58.543			
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh (cũ) phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	các xã: Diên Điện, Diên Lạc, Suối Hiệp và Diên Thọ	2023-2027		434.839	0	200.000				200.000			
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn và Tây Khánh Sơn	2023-2027		1.930.000		159.418	0	159.418	0		0	0	
-	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn và Tây Khánh Sơn	2023-2027	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107	1.011.411	150.000				150.000			
-	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn và Tây Khánh Sơn	2024-2025	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	110.981	9.418				9.418			
3	Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)		Xã Vạn Hưng, xã Hòa Trị và xã Bắc Ninh Hòa	2023-2027		875.749		285.084	100.000	185.084	0	0	0	0	

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Vạn Hưng, xã Hòa Tri và xã Bắc Ninh Hòa	2023-2027	716/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	605.790	10.000	100.000	100.000							
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	Vạn Ninh	2024-2025	151/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	85.402	50.318	35.084			35.084					
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	822/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	184.547	0	150.000			150.000					
4	Đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa		Ninh Hòa - Vạn Ninh	2024-2027		2.031.016		189.953	0	189.953	0	0	0	0	0	
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	754.000	100.000			100.000					
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	Vạn Lương, Vạn Hưng	2024-2025	2963/QĐ-UBND ngày 14/1/2024	230.357	140.404	89.953			89.953					
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	Ninh Hòa	2025-2027	895/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	95.014	95.014	0								
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	phường Đông Ninh Hòa	2023-2026	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022; 374/QĐ-KKT ngày 15/10/2024	816.173	274.776	541.397			290.306			251.091		
6	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Tây Ninh Hòa, Tân Định, P.Ninh Hòa và Xã Hòa Tri	2022-2026	611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023; 523/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	5.333.307	3.874.350	1.355.954					1.355.954			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
						Vốn thu tiền SDD trong cân đối				Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP		
7	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, UBND xã Bắc Khánh Vĩnh, UBND xã Trung Khánh Vĩnh, UBND xã Tây Khánh Vĩnh	2023-2025	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	103.500	100.000	100.000						
8	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Ninh Hòa, xã Bắc Ninh Hòa và Phường Đông Ninh Hòa	2024-2025	1049/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	865.474	376.031	460.000		460.000					
9	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 1A - ĐT652B (Quốc lộ 1 đến vòng xoay Ninh Diêm)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Bắc Ninh Hòa, Phường Đông Ninh Hòa	2024-2027	1167/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	559.408	62.018	100.000	100.000						
10	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xiển	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Bắc Nha Trang, Tây Nha Trang	2024-2027	1667/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	586.474	100	50.000	50.000						
11	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Phan Rang	2021-2025	2422/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 271/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	147.024	80.000	66.773	66.773						
12	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Phan Rang	2025-2027	752/QĐ-UBND ngày 08/6/2025	72.000	45.000	26.700	26.700						
13	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Ninh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Đông Hải	2025-2027	780/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	76.805	49.000	27.505	27.505						
14	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn, Xã Tà Năng	2022-2025	2373/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	1.494.737	1.265.550	229.187	229.187						
15	Nâng cấp, mở rộng Cải tạo Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	Ninh Hòa	2023-2026	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	230.634	307.957		307.957					
16	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1 đến cảng Hòn Khôi (ĐT.651D và đoạn ĐT. 652B)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	Ninh Hòa	2024-2027	1676/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	690.509	5.859	100.000		100.000					
17	Đường giao thông ngoài Cảng trung chuyển Quốc tế Vân Phong (giai đoạn 2)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2024-2027	1910/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	147.370	5.000	140.000		140.000					
18	Tuyến đường T28 (giai đoạn 1) thuộc phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	phường Đông Ninh Hòa	2025-2027	2171/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	99.525	1.066	95.000		95.000					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP
19	Đoạn tuyến đường đầu nối N1 (Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng) vào Quốc lộ 1	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	xã Vạn Hưng	2025-2026	2315/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	21.004	419	20.000		20.000						
20	Cầu qua sông Kim Bồng	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Tây Nha Trang	2021-2025	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	39.917	91.814		91.814						
21	Đường ĐX 1 (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến đường Lê Lợi và đường từ đường quy hoạch Huỳnh Thúc Kháng đến đường Phan Bội Châu) và đường Hải Thượng Lãn Ông	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh	2025-2026	749/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	64.000	443	60.000		60.000						
22	Đường Triệu Quang Phục, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh	2025-2026	735/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	33.543	20.637	12.363		12.363						
23	Đường Trần Đường, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh	2025-2026	1711/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	27.919	335	27.000		27.000						
24	Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C)	UBND xã Diên Lạc	xã Diên Lạc	2022-2025	251/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	130.258	106.815	22.701		22.701						
25	Đường Phan Bội Châu (đoạn tiếp giáp phường Cam Thuận đến đường quy hoạch Bà Triệu), phường Cam Phú	UBND phường Cam Ranh	Phường Cam Ranh	2024-2025	2312/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	26.115	2.300	23.000		23.000						
26	Nâng cấp, mở rộng Đường Móng Đứ - Hữu Đứ, xã Phước Hữu	UBND xã Phước Hữu	Xã Phước Hữu	2021-2025	1571, 11/12/2024	14.500	522	13.978		13.978						
27	Đường D6 - Khu trung tâm đô thị Suối Hiệp	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2024-2025	số 294/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; số 35/QĐ-UBND ngày 25/03/2025	7.000	5.000	2.000		2.000						
28	Xây dựng Cầu Tà Lương	UBND xã Khánh Sơn	xã Khánh Sơn	2024-2025	1038/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	25.000	22.000	3.000		3.000						
VIII	<b>Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025</b>							<b>61.500</b>	<b>0</b>	<b>61.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026</b>							<b>61.500</b>	<b>0</b>	<b>61.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Đập dâng Suối Ta Bò xã Sơn Bình	UBND xã Khánh Sơn	xã Khánh Sơn	2023-2025	832/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	70.000	9.500	60.500		60.500						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát
2	Trường THCS Tô Hạp	UBND xã Khánh Sơn	xã Khánh Sơn	2024-2025	4468/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	30.000	27.200	1.000		1.000					
IX	<b>Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)</b>							<b>665.519</b>	<b>80.000</b>	<b>585.519</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</b>							<b>665.519</b>	<b>80.000</b>	<b>585.519</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Tây Nha Trang	2018-2025	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 3201/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; 1550/QĐ-UBND ngày 13/6/2024; 3445/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	759.516	646.565	80.000		80.000					
2	Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2017-2025	3348A/QĐ-UBND 31/10/2016; 2925/QĐ-UBND ngày 27/10/2020; 2984/QĐ-UBND ngày 02/11/2022; 3199/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.380.313	1.158.697	130.000		130.000					
3	Kè Sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang (tên cũ: Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương))	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Bắc Nha Trang	2025-2028	1390/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	300.000	7.000	70.000		70.000					
4	Kè chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	TP Nha Trang	2019-2025	QĐ 8732 19/10/2018 và các QĐ đ/c 711 13/02/2020; 37 13/01/2021; 1420 28/3/2023	14.965	261	14.000		14.000					
5	Kè chống sạt lở suối Lương Hòa, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Bắc Nha Trang	2021-2025	QĐ 7441; 18/12/2020 và các QĐ đ/c 17034 04/11/2021; 6590 19/12/2022; 1041 29/02/2024	48.573	33.891	14.682		14.682					
6	Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	phường Nam Nha Trang	2024-2027	118/QĐ-UBND ngày 14/01/2025	600.000	105.314	154.389		154.389					

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát
7	Kè chống sạt lở bờ tả sông Suối Dầu, đoạn qua các thôn Tân Xương 2 và Suối Lau, xã Suối Cát	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Suối Dầu	2024-2026	1047/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	70.000	1.220	68.000		68.000					
8	Kè chống sạt lở bờ suối thôn Suối Giếng	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	420, 05/4/2023	12.493	4.733	7.760		7.760					
9	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2022-2025	2447/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	325.000	73.167	80.000	80.000						
10	Kè chống sạt lở bờ Bắc thị trấn Diên Khánh	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2014-2025	1832/QĐ-UBND ngày 27/7/2013; 2686/QĐ-UBND ngày 12/9/2017; 2654/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2884/QĐ-UBND ngày 20/9/2021; 625/QĐ-UBND ngày 01/3/2022; 1046/QĐ-UBND ngày 12/5/2023; 732/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	272.245	257.721	5.000		5.000					
11	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2018-2025	551/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 217/QĐ-UBND ngày 14/9/2020; 8024/QĐ-UBND ngày 16/7/2021; 87/QĐ-UBND ngày 12/04/2022	80.117	69.065	1.688		1.688					
12	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (giai đoạn 2)	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2022-2025	177/QĐ-UBND ngày 26/7/2022; 1348/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	140.499	100.031	40.000		40.000					
X	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>							<b>1.800</b>	<b>1.800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							<b>1.800</b>	<b>1.800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Kiên cố hóa kênh Bả Gương xã Phương Hải	UBND xã Ninh Hải	xã Ninh Hải	2025-2026	463/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	3.000	1.200	1.800	1.800						
XI	<b>Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>							<b>527.482</b>	<b>37.921</b>	<b>489.561</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							<b>527.482</b>	<b>37.921</b>	<b>489.561</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Xây dựng nơi ăn, nghỉ, kho, bến, bãi, khu vực neo đậu tàu thuyền cho Hải đội dân quân thường trực tỉnh Khánh Hòa	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2024-2027	1325/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	220.505	30.000	100.000	37.921	62.079					

STT	Dan mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
2	Công trình mặt							427.482		427.482	0	0	0	0	
<b>XII</b>	<b>Văn hóa, thể thao</b>							<b>46.050</b>	<b>6.050</b>	<b>40.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026</i>							<b>46.050</b>	<b>6.050</b>	<b>40.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Thành cổ Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Diên Khánh	2022-2026	3413/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 ; 1943/QĐ-UBND ngày 30/6/2025; 1812/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	225.549	151.990	40.000		40.000					
2	Tu bổ di tích đình Đảnh Thạnh, xã Bình Lộc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Diên Khánh	2024-2026	1812/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	3.500	950	2.550	2.550						
3	Tu bổ di tích đình Võ Cạnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nha Trang	2024-2025	502/QĐ-UBND ngày 30/7/2025	4.799	1.270	3.500	3.500						
<b>XIII</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>							<b>490.000</b>	<b>490.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							<b>490.000</b>	<b>490.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa		Phường Nam Nha Trang	2024-2027		1.867.000		400.000	400.000	0	0	0	0	0	
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Nam Nha Trang			1.654.624	5.348	250.000	250.000						
-	Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	phường Nam Nha Trang	2024-2027	1418/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	212.376	2.000	150.000	150.000						
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị 46 Trần Phú	Văn phòng UBND tỉnh	phường Nha Trang	2024-2026	392/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	74.569	23.452	50.000	50.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
						Vốn thu tiền SDD trong cân đối				Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP		
3	Mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban QLDA Phát triển tỉnh		2025-2026	432/QĐ-UBND ngày 25/7/2025	175.328	100.500	40.000	40.000						
<b>XIV</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>							<b>272.305</b>	<b>122.305</b>	<b>150.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							<b>272.305</b>	<b>122.305</b>	<b>150.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị - Công viên - Trung tâm hành chính		Phường Nam Nha Trang	2025-2027		654.288		220.000	70.000	150.000	0	0	0	0	
-	Dự án thành phần Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị - Công viên - Trung tâm hành chính	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Nam Nha Trang	2025-2027		321.225	600	70.000	70.000						
-	Dự án thành phần giải phóng mặt bằng phục vụ dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị - Công viên - Trung tâm hành chính	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang			333.063		150.000		150.000					
2	Nâng cấp lan can bờ sông, bờ biển thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	phường Nha Trang và phường Bắc Nha Trang	2022-2025	QĐ 6578 ngày 16/12/2022	29.736	4.868	15.000	15.000						
3	Công viên Thống Nhất, phường Cam Thuận - Cam Linh	UBND phường Cam Linh	Phường Cam Linh	2013-2025	Số: 1381/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; Số: 1205/QĐ-UBND ngày 04/6/2019; Số: 753/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	17.202	12.480	4.722	4.722						
4	Dự án Khu công viên biển Bình Sơn (khu 4,575ha)	UBND phường Đông Hải	phường Đông Hải	2025-2026	số 1015/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	60.000	40.100	18.000	18.000						
5	Công viên Văn Miếu	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2021-2025	84/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	14.933	350	14.583	14.583						
<b>XV</b>	<b>Trả nợ quyết toán</b>							<b>30.000</b>	<b>30.000</b>						
<b>XVI</b>	<b>Các nhiệm vụ, chính sách đầu tư công khác theo quy định</b>							<b>1.352.250</b>	<b>578.750</b>	<b>773.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng (đối với các dự án đã ký hợp đồng vay giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030)							15.000	15.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
2	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh							300.000	300.000						
3	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa							1.037.250	263.750	773.500					
<b>XVII</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (các dự án chuyển tiếp)</b>							<b>62.000</b>	<b>0</b>	<b>62.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trường THPT Tô Văn Ôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Tu Bông	2025-2026	1890/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	28.800	1.100	22.000		22.000					
2	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Vạn Hưng	2025-2026	1891/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	20.400	800	15.000		15.000					
3	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Vạn Ninh	2025-2026	1892/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	31.600	1.200	25.000		25.000					
<b>XVIII</b>	<b>Thực hiện tiết kiệm 5% chi đầu tư công nguồn NSTW</b>							<b>103.003</b>				<b>103.003</b>			
<b>XIX</b>	<b>Chưa phân bổ</b>							<b>808.901</b>		<b>808.901</b>					
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUẢN LÝ</b>							<b>2.575.000</b>	<b>1.130.000</b>	<b>1.445.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Phường Nha Trang							37.626	11.276	26.350					
2	Phường Bắc Nha Trang							74.176	11.276	62.900					
3	Phường Tây Nha Trang							102.226	11.276	90.950					
4	Phường Nam Nha Trang							115.878	13.878	102.000					
5	Phường Cam Ranh							69.519	12.144	57.375					
6	Phường Bắc Cam Ranh							136.568	15.613	120.955					
7	Phường Cam Linh							46.176	9.541	36.635					
8	Phường Ba Ngòi							34.908	15.613	19.295					
9	Xã Nam Cam Ranh							57.165	23.420	33.745					
10	Phường Ninh Hòa							140.511	13.011	127.500					
11	Phường Đông Ninh Hòa							43.715	18.215	25.500					
12	Phường Hòa Thắng							28.710	11.710	17.000					
13	Xã Bắc Ninh Hòa							37.835	21.685	16.150					
14	Xã Nam Ninh Hòa							23.732	17.782	5.950					
15	Xã Tây Ninh Hòa							21.216	19.516	1.700					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
16	Xã Tân Định							49.578	13.878	35.700					
17	Xã Hòa Trí							14.277	12.577	1.700					
18	Xã Vạn Ninh							21.962	14.312	7.650					
19	Xã Vạn Thắng							22.847	16.047	6.800					
20	Xã Vạn Hưng							20.696	14.746	5.950					
21	Xã Tu Bông							18.614	16.914	1.700					
22	Xã Đại Lãnh							21.216	19.516	1.700					
23	Xã Diên Khánh							31.260	11.710	19.550					
24	Xã Diên Lạc							24.460	11.710	12.750					
25	Xã Diên Điện							22.845	11.710	11.135					
26	Xã Diên Lâm							13.979	10.409	3.570					
27	Xã Diên Thọ							19.342	10.842	8.500					
28	Xã Suối Hiệp							22.004	12.144	9.860					
29	Xã Cam Lâm							27.982	17.782	10.200					
30	Xã Suối Dầu							18.545	13.445	5.100					
31	Xã Cam Hiệp							16.171	9.541	6.630					
32	Xã Cam An							38.018	13.878	24.140					
33	Xã Khánh Vĩnh							30.141	19.516	10.625					
34	Xã Nam Khánh Vĩnh							27.637	26.022	1.615					
35	Xã Tây Khánh Vĩnh							29.465	28.190	1.275					
36	Xã Trung Khánh Vĩnh							31.200	29.925	1.275					
37	Xã Bắc Khánh Vĩnh							22.193	17.348	4.845					
38	Xã Khánh Sơn							21.232	16.047	5.185					
39	Xã Tây Khánh Sơn							29.823	29.058	765					
40	Xã Đông Khánh Sơn							27.297	26.022	1.275					
41	Phường Phan Rang							87.377	12.577	74.800					
42	Phường Đông Hải							183.011	13.011	170.000					
43	Phường Bảo An							61.895	13.445	48.450					
44	Phường Đô Vinh							18.163	15.613	2.550					
45	Phường Ninh Chữ							61.877	12.577	49.300					
46	Xã Ninh Hải							37.349	18.649	18.700					
47	Xã Xuân Hải							25.848	17.348	8.500					
48	Xã Vĩnh Hải							53.542	20.817	32.725					
49	Xã Thuận Bắc							25.935	21.685	4.250					
50	Xã Công Hải							22.960	21.685	1.275					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP
51	Xã Ninh Sơn							25.931	13.011	12.920					
52	Xã Lâm Sơn							25.569	20.384	5.185					
53	Xã Anh Dũng							26.089	25.154	935					
54	Xã Mỹ Sơn							26.990	23.420	3.570					
55	Xã Bắc Ái Đông							29.185	28.190	995					
56	Xã Bắc Ái							32.927	32.094	833					
57	Xã Bắc Ái Tây							37.708	36.646	1.062					
58	Xã Ninh Phước							32.232	17.782	14.450					
59	Xã Phước Hữu							21.668	20.818	850					
60	Xã Phước Hậu							21.182	17.782	3.400					
61	Xã Thuận Nam							29.283	19.083	10.200					
62	Xã Cà Ná							28.381	16.481	11.900					
63	Xã Phước Hà							22.969	22.119	850					
64	Xã Phước Dinh							44.184	20.384	23.800					

## PHỤ LỤC 2

### DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>1.727.901</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình khắc phục hậu quả thiên tai do mưa lũ gây ra</b>		<b>736.480</b>	
<b>a</b>	<b>Giao thông</b>		<b>427.000</b>	
1	Sửa chữa Quốc lộ 27C	140.000	140.000	
2	Sửa chữa Quốc lộ 27	30.000	30.000	
3	Sửa chữa Đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	70.000	70.000	
4	Sửa chữa Đường tỉnh 707	30.000	30.000	
5	Sửa chữa Cầu treo Thác Trâu	22.000	22.000	
6	Xây dựng cầu và đường qua đập Chín Xã, đoạn qua thôn Hội Xương, xã Suối Hiệp	45.000	45.000	

<b>STT</b>	<b>Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực</b>	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>Dự kiến Kế hoạch năm 2026</b>	<b>Ghi chú</b>
7	Sửa chữa Đường ĐT.651D (Tỉnh lộ 1B)	1.000	1.000	
8	Sửa chữa Đường ĐT.652H (Tỉnh lộ 8)	1.000	1.000	
9	Sửa chữa Đường ĐT.652G (Tỉnh lộ 5)	2.000	2.000	
10	Sửa chữa Đường ĐT.653C (Hương lộ 39)	1.000	1.000	
11	Sửa chữa Đường ĐT.653 (Tỉnh lộ 2)	1.000	1.000	
12	Sửa chữa Đường ĐT.654C (Hương lộ 62)	1.000	1.000	
13	Sửa chữa Đường ĐT.654B Tỉnh lộ 8B	1.000	1.000	
14	Sửa chữa Đường ĐT.657B (Đường 2/4 -23/10)	3.000	3.000	
15	Sửa chữa ĐườngĐT.657 (Phạm Văn Đồng)	3.000	3.000	
16	Sửa chữa Đường ĐT,657G (Võ Nguyên Giáp)	4.000	4.000	
17	Sửa chữa Đường ĐT.657I (Đường Nguyễn Tất Thành)	7.000	7.000	

<b>STT</b>	<b>Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực</b>	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>Dự kiến Kế hoạch năm 2026</b>	<b>Ghi chú</b>
18	Sửa chữa Đường ĐT.657K (Đường KDL Yersin)	1.000	1.000	
19	Sửa chữa Đường Tô Hạp - Sơn Bình	7.000	7.000	
20	Sửa chữa Đường tỉnh 701	3.000	3.000	
21	Sửa chữa Đường tỉnh 702	3.000	3.000	
22	Sửa chữa Đường tỉnh 703	7.000	7.000	
23	Sửa chữa Đường tỉnh 705	3.000	3.000	
24	Sửa chữa Đường tỉnh 706	2.000	2.000	
25	Sửa chữa Đường tỉnh 708	7.000	7.000	
26	Sửa chữa Đường tỉnh 709	7.000	7.000	
27	Sửa chữa Đường tỉnh 709B	7.000	7.000	
28	Sửa chữa ĐH Văn Lâm - Sơn Hải	2.000	2.000	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
29	Sửa chữa ĐH Ma Nới - Gia Hoa	7.000	7.000	
30	Sửa chữa ĐH Ba Tháp - Suối Le - Phước Kháng	5.000	5.000	
31	Sửa chữa ĐH Phước Đại - Phước Trung	4.000	4.000	
<b>b</b>	<b><i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i></b>		<b>239.425</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa Nước Ngọt, xã Vĩnh Hải, tỉnh Khánh Hòa	200.000	200.000	
2	Gia cố, nâng cấp công lấy nước đầu kênh Nam thuộc hệ thống thủy lợi đập Nha Trinh	15.000	15.000	
3	Đập dâng Suối Dầu	20.000	20.000	
4	Sửa chữa khắc phục thiệt hại các trụ sở đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	4.425	4.425	
<b>c</b>	<b><i>Y tế</i></b>		<b>47.093</b>	
1	Sửa chữa các công trình y tế	12.110	12.110	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
2	Mua sắm máy móc, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị khác bị hư hỏng do mưa lũ	34.983	34.983	
<b>d</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>7.404</b>	
1	Sửa chữa các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	7.404	7.404	
<b>đ</b>	<b>Quốc phòng an ninh</b>		<b>9.800</b>	
1	Khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra đối với các đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	4.800	4.800	
2	Khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra đối với các trụ sở công an xã	5.000	5.000	
<b>e</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật khác</b>		<b>5.758</b>	
1	Khắc phục hư hỏng do mưa lũ gây ra tại Cụm Công nghiệp Diên Phú, xã Diên Điền và Trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Đắc Lộc, phường Bắc Nha Trang	2.500	2.500	
2	Khắc phục, sửa chữa tường rào bị sập tại Nghĩa trang Liệt sĩ Ninh Thuận	3.258	3.258	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
<b>II</b>	<b>Các dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp và Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số</b>		<b>254.998</b>	
<i>a</i>	<i>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>		<b>140.000</b>	
1	Dự án mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	143.871	140.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
<i>b</i>	<i>Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số</i>		<b>114.998</b>	
1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa	30.000	30.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa	14.998	14.998	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
3	Đầu tư bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	15.000	15.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
4	Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng - Công an tỉnh Khánh Hòa	55.000	55.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
III	Các dự án theo ngành, lĩnh vực khác (dự phòng trong trường hợp lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp và Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số không sử dụng hết nguồn chưa phân bổ)		536.423	
a	<i>Bồi thường, hỗ trợ, xây dựng hạ tầng khu tái định cư, khu dân cư</i>		20.000	
1	Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2)	325.300	20.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
b	<i>Giao thông</i>		182.723	
1	Đường Lê Duẩn - đoạn 4 (từ đường Lê lợi đến đường Nguyễn Công Trứ) và các phân đoạn kết nối: đường Trần Nguyên Hãn, đường Hoàng Văn thụ, đường Quy hoạch số 35, phường Cam Phúc Bắc, Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh	541.322	95.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
2	Cầu Phú Kiểng	599.837	87.723	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
<i>c</i>	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>		<b>50.000</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Đá Bàn	400.000	50.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
<i>d</i>	<i>Văn hóa, thể thao</i>		<b>36.700</b>	
1	Tu bổ di tích Đình Tân Mỹ	3.900	3.900	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
2	Tu bổ di tích đình Quảng Hội, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	4.000	3.800	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
3	Tu bổ di tích đình Hiền Lương, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	4.000	3.800	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
4	Tu bổ di tích đình Bình Tân, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	6.200	6.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
5	Tu bổ di tích đình Đồng Nhơn, xã Vĩnh Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	5.505	5.300	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
6	Tu bổ di tích đình Trường Thạnh, xã Diên Thạnh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	4.500	4.300	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
7	Tu bổ di tích đình Phước Tuy, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	3.500	3.300	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
8	Tu bổ di tích đình Ngọc Hội, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	6.540	6.300	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
<i>đ</i>	<b><i>Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội</i></b>		<b>247.000</b>	
1	Nhà nghỉ dưỡng 378 - Công an tỉnh Khánh Hòa	493.670 triệu đồng (trong đó: NS tỉnh hỗ trợ 250.000 triệu đồng)	247.000	Thuộc Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của HĐND tỉnh
IV	<b>Dự phòng đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia</b>		<b>200.000</b>	